



hěn shǎ

很傻

adjective/phrase · very silly

Example Sentence

Tā jū rán xiāng xìn nà ge huǎng yán , zhēn shì hěn shǎ
他居然相信那个谎言，真是很傻。

He actually believed that lie; it's really very silly.

Trace each character, then write the word on your own.

很 很 很 很 很 很 很 很 很 很 很
很

傻 傻 傻 傻 傻 傻 傻 傻 傻 傻 傻
傻 傻 傻 傻 傻